

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HOÀNG TIỆP
(HOANG TIEP INTERNATIONAL TRADING SERVICE JOINT STOCK COMPANY)

Trụ sở: 29 Trần Quốc Hoàn - Cầu Giấy - Hà Nội
(Office: 29Tran Quoc Hoan – Cau Giay – Ha Noi)

Điện thoại tại Hà Nội: 04.37932038 – 0982.277.517

(Telephone at Ha Noi No. 04.37932038-0975640186)

Email: hoangtiepjsc@gmail.com



BẢNG BÁO GIÁ

Áp dụng từ ngày 12/11/2011

Mành dục, ngang văn phòng

DVT=1,000vnd

STT	Mã hàng	Ký hiệu	ĐVT	Khổ vải (lá)	Giá/m2
1	Mành Mỹ vải dệt có sợi kim tuyến, hoa văn đẹp , xuyên sáng 5~10%	5760 → 5767	m2	100	263
2	Mành Mỹ vải sợi thủy tinh phủ nhựa, chống nắng, cách nhiệt, chống cháy	W100 → W109	m2	89	269
3	Mành Mỹ vải sợi thủy tinh phủ nhựa, chống nắng, cách nhiệt, chống cháy	W16 → W20, W23, W24, W26 → W32, W34 → W37	m2	89&127	312
4	Mành Australia vải hoa văn , cản sáng 70%	S320 → S324; K01 → K08;T1 → T20	m2	89&100	187
5	Mành Australia vải xuyên sáng có kim tuyến và không kim tuyến	X01-X02-100-1014	m2	89&127	208
6	Mành Australia cản sáng, cách nhiệt	A30 - A42; 5011 - 5020; 3701 - 3706 7601 - 7613	m2	100&127	214
7	Mành Australia vải trơn, hoa văn, cản sáng, cách nhiệt	8011 → 8023, 8601 → 8610,	m2	100&127	228
8	Mành Australia vải trơn, hoa văn, cản sáng, cách nhiệt	8701 - 8714; 22001 - 22006; 26001 - 26011; 25011-1 - 25026-1	m2	89&100	235
9	Mành Australia vải trơn, cản sáng, Cách nhiệt, chống bám bụi	8901 → 8909, 9901 → 9909, 7730 → 7750, CN032, 33, CN034-1 → CN038; CN010; CN000 CN001 - CN050 9201 → 9209, 9401 → 9412, 9301 → 9309 Mã số bắt đầu số 7...&8....	m2	89&100 &127	256
10	Mành Australia vải sọc xéo, cản sáng, cách nhiệt	3601 → 3607, 3550 → 3546, 3400 → 3440; 8830 → 8842; A01 - A02	m2	89&100 127	287
11	Mành Australia vải trơn, chống nắng, cản sáng.	HTL27 → HTL31, HTL32 → HTL36, HTL37 → HTL40, HTL19 → HTL22, HTL23 → HTL26, Mã bắt đầu bằng chữ V.....	m2	100&127	253
12	Mành Australia vải trơn, sọc xéo, chống nắng.	HTL47 → HTL51, HTL52 → HTL54, HTL41 → HTL46, HTL14 → HTL18	m2	100	268
13	Mành Australia cản sáng, cách nhiệt.	8801 → 8811, 6301 → 6306	m2	89	242

14	Mành Australia cản sáng, cách nhiệt.	HTL01 → HTL13	m2	100&127	278
15	Mành Australia cản sáng, cách nhiệt.	HTL500 → HTL504	m2	100	289
16	Mành Australia cản sáng, cách nhiệt.	HTL511 - HTL512	m2	100&127	314
17	Mành Australia cản sáng, cách nhiệt.	HTL510	m2	100	292
18	Mành Hàn Quốc	Mã 6	m2	89	182
19	Mành Hàn Quốc	2302 → 2309, 2340 → 2344, 2414, 2417, 2419, 2425 → 2428, 2432 → 2434, 2730 → 2737, 3671 → 3679, 3771 → 3779	m2	89&127	215
20	Mành Đài Loan	Mã đầu 4	m2	89	170
21	Mành Đài Loan	Mã đầu 5	m2	89	181
22	Mành Đài Loan	HTL78 → HTL85	m2	100	215
23	Mành Đài Loan	HTL63 → HTL67	m2	100	226
24	Mành Đài Loan	HTL58 → HTL62	m2	100	242
25	Mành Đài Loan	HTL55 → HTL57	m2	100	237
26	Mành Trung Quốc	HTL86 → HTL97	m2	100	200
27	Mành lọc tranh thường		m2		237
28	Mành lọc tranh phản quang		m2		289
29	Mành ngang lá nhôm Hàn Quốc	HTS01 → HTS33	m2	25	215
30	Mành ngang lá nhôm Đài Loan	Mã V	m2	25	215
31	Tranh màng ngang lá nhôm	HSN01 → HSN12, HSN14 → HSN33	Tranh		171
		HSN34 → HSN60	Tranh		215
		HSN71 → HSN77	Tranh		220
		HSN13, HSN78 → HSN80, HSN82 → HSN84	Tranh		231
		HSN61 → HSN70	Tranh		275
		HSN81	Tranh		308
32	Mành ngang lá gỗ Trung Quốc		m2	25	550
33	Mành ngang lá gỗ Trung Quốc		m2	50	682
34	Mành ngang lá gỗ Đài Loan	HTS001 → HTS004	m2	25	685
35	Mành ngang lá gỗ Đài Loan	HTS001 → HTS008	m2	50	953
36	Mành ngang lá gỗ Nga	HTG	m2	35&50	820

Ghi chú: Mành lọc văn phòng chiều cao dưới 1m tính tròn 1m

Mành cuốn văn phòng

37	Mành cuốn vải trơn chống nắng 100%	HTC01 → HTC06, HTC28, HTC29, HTC33	M2		330
38	Mành cuốn vải hoa văn	HTC16 → HTC19	M2		352
39	Mành cuốn vải sọc chéo	HTC07 → HTC10; HTC 26; HTC 27	M2		367
40	Mành cuốn vải sọc tơ	HTC15	M2		347
41	Mành cuốn vải hoa văn	HTC11 → HTC14	M2		388
42	Mành cuốn vải trơn	HTC505	M2		380
43	Mành cuốn vải lưới	HTC20 → HTC25, HTC30 → HTC32	M2		402
44	Mành cuốn vải trơn	HTC34 → HTC37	M2		395
45	Mành cuốn vải trơn	HTC510	M2		426
46	Mành cuốn hoa văn	HTC425 → HTC439	M2		429
47	Mành cuốn hoa văn	HTC442 → HTC444	M2		471
48	Mành cầu vồng	HTC 74 → HTC 77	M2		605
49	Mành cuốn USA vải cản sáng	BS-81 → BS-85	M2	1.8m	417
50	Mành cuốn USA vải lưới chắn sáng 90%	S7002, S7006, S7007	M2	2.5m	439
51	Mành cuốn Korea vải lưới chắn sáng 80%	M11 → M15, SV-22	M2	2.5m	395

52	Mành cuốn vải cản sáng 100%	CN8901 - MC → CN8910 - MC CN9901 → CN9905,	M2	1.8m& 2.2m&2.5m	310
53	Mành cuốn sợi đay tổng hợp cản sáng 80%	BB01-1, BB02-1 → BB02-5	M2	2.4m	351
54	Mành cuốn Korea vải lưới chắn sáng 80%	S3000-1 → S3000-3, S4000-1 → S4000-3 SP-01, SP-07, SP-10, R0771 → R0773 R0775 → R0777, R0803, R0804	M2	2.5m - 3.0m	386
55	Mành cuốn Australia vải lưới cản sáng 80%	222D - 666B - 777A - 999A - 109A 110A - 111A - 112A - 113A	M2	1.8m &2.5m	388
56	Mành cuốn Australia cản sáng 100%	R9301 → R9309, 4001 → 4006	M2	2m&2.2m	317
57	Mành cuốn Australia cản sáng 100%	R6301, R6302, R6303, R6820	M2	2.5m	328
58	Mành cuốn chất liệu vải cản sáng 100%	K017 → K020	M2	1.8m - 2.2m	231
59	Mành cuốn vải hoa văn, đục lỗ	Mã H - Z - DL	M2	2.0m	319
60	Mành cuốn Australia	LX + B	M2		347
61	Mành cuốn Australia loại kẻ chéo cản sáng 100%	CX	M2		285
62	Mành cuốn Australia loại trơn cản sáng 100%	TX	M2		285

Ghi chú: Mành cuốn lò xo cộng thêm 180.000đ/bộ

Thanh treo rèm văn phòng

63	Thanh Ovan màn dọc		m		189
64	Thanh vuông màn dọc		m		178
65	Thanh màn cuốn (bộ đầu kéo)		m		254
66	Thanh màn cuốn (lò xo 50cm)		m		430
67	Thanh màn cuốn (lò xo 70cm)		m		440

Mành tre

68	Mành tre cuốn, màn Roman	BB001 → BB007	M2		226
69	Mành tre Roman có bèo	BB001 → BB007	M2		257
70	Mành tre cuốn, màn Roman có hoa văn	BB008 → BB009	M2		236
71	Mành tre Roman có bèo có hoa văn	BB008 → BB009	M2		268
72	Mành tre sợi gai xếp lớp	BB010 → BB013	M2		341
73	Mành tre sợi gai xếp lớp có bèo	BB010 → BB013	M2		383

Rèm vải

74	Rèm vải		m		200
75	Rèm roman hai lớp	HTKimurase	m2		430
76	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		400
77	Rèm roman một lớp		m2		370
78	Rèm vải		m		197
79	Rèm roman hai lớp	HT themiller	m2		424
80	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		394
81	Rèm roman một lớp		m2		364
82	Rèm vải	Htcantello	m	1.9	186
83	Rèm roman hai lớp		m2		402
84	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		372
85	Rèm roman một lớp		m2		342

86	Rèm vải	Htnaples	m	1.6	180
87	Rèm roman hai lớp		m2		390
88	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		360
89	Rèm roman một lớp		m2		330
90	Rèm vải	Htauna	m	1.9	184
91	Rèm roman hai lớp		m2		398
92	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		368
93	Rèm roman một lớp		m2		338
94	Rèm vải	Htspring flower	m	1.9	179
95	Rèm roman hai lớp		m2		388
96	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		358
97	Rèm roman một lớp		m2		328
98	Rèm vải	Htanacy	m		186
99	Rèm roman hai lớp		m2		402
100	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng	Htanacy	m2		372
101	Rèm roman một lớp		m2		342
102	Rèm vải	Htravenna	m		186
103	Rèm roman hai lớp		m2		402
104	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		372
105	Rèm roman một lớp		m2		342
106	Rèm vải	Htclicle	m	1.9	184
107	Rèm roman hai lớp		m2		398
108	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		368
109	Rèm roman một lớp		m2		338
110	Rèm vải	Htsimoni	m	1.9	183
111	Rèm roman hai lớp		m2		396
112	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		366
113	Rèm roman một lớp		m2		336
114	Rèm vải	Htlegano	m		186
115	Rèm roman hai lớp		m2		402
116	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		372
117	Rèm roman một lớp		m2		342
118	Rèm vải	Htanma	m	1.5	180
119	Rèm roman hai lớp		m2		390
120	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		360
121	Rèm roman một lớp		m2		330
122	Rèm vải	HTHC	m	1.5	150
123	Rèm roman hai lớp		m2		330
124	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		300
125	Rèm roman một lớp		m2		270
126	Rèm vải	HTTC	m	1.9	210
127	Rèm roman hai lớp		m2		450
128	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		420
129	Rèm roman một lớp		m2		390
130	Rèm vải	HTAT	m	1.5	180
131	Rèm roman hai lớp		m2		390
132	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		360
133	Rèm roman một lớp		m2		330
134	Rèm vải	HTKH	m	2.8	270
135	Rèm roman hai lớp		m2		570
136	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		540

137	Rèm roman một lớp		m2		510
138	Rèm vải chắn sáng trơn		m		275
139	Rèm roman hai lớp		m2		575
140	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng	7001-1 → 7015-8	m2	2.8	545
141	Rèm roman một lớp		m2		515
142	Rèm vải chắn sáng hai mặt		m		280
143	Rèm roman hai lớp	5801 → 5809	m2	2.8	580
144	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		550
145	Rèm roman một lớp		m2		520
146	Rèm vải sọc nhỏ cản sáng 2 mặt		m		325
147	Rèm roman hai lớp	A1 → A10	m2	2.8	625
148	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		595
149	Rèm roman một lớp		m2		565
150	Rèm vải sọc to trơn, hoa văn cản sáng		m		325
151	Rèm roman hai lớp	A2 → A10	m2	2.8	625
152	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		595
153	Rèm roman một lớp		m2		565
154	Rèm vải		m		180
155	Rèm roman hai lớp	HTTB&NB	m2	1.5	390
156	Rèm roman một lớp vải, một lớp cản sáng		m2		360
157	Rèm roman một lớp		m2		330
158	Rèm phòng tắm khổ 1.8X1.8		m2		550
159	Rèm phòng tắm khổ 2.4X1.8		m2		650

Ghi chú: Các loại rèm có số đo dưới 1m2 tính tròn 1m2.

SUỐT TREO RÈM

160	Suốt nhôm vàng	m	1	180
161	Suốt nhôm đốm đen	m	1	195
162	Suốt nhôm trắng	m	1	180
163	Suốt nghệ thuật nâu to	m	1	190
164	Suốt nhôm đốm trắng	m	1	195
165	Suốt nhôm nâu	m	1	180
166	Suốt ore vàng	m	1	190
167	Suốt nghệ thuật màu đồng to	m	1	190
168	Suốt nghệ thuật màu trắng to	m	1	190
169	Suốt sắt nâu	m	1	170
170	Suốt sắt trắng	m	1	170
171	Suốt Đài Loan nhỏ	m	1	80
172	Suốt Đài Loan to	m	1	85
173	Suốt gỗ	m	1	95
174	Suốt nghệ thuật vàng	m	1	170
175	Suốt ore đen	m	1	190
176	Suốt nghệ thuật màu ghi nhỏ	m	1	175
177	Suốt nghệ thuật màu trắng nhỏ	m	1	175
178	Suốt nghệ thuật màu đồng nhỏ	m	1	175

MÀNH CHE NẮNG

163	Mành che nắng tay quay	Mành >= 3m	M2	1.5	160
164	Mành che nắng tay quay	2.5m < mành < 3m	M2	1.5	165
165	Mành che nắng tay quay	1.8 < mành <= 2.5m	M2	1.5	170
166	Mành che nắng tay quay	Mành <= 1.8m	Bộ	1.5	620

167	Mành che nắng tay quay	Bạt bộ màn cao > 2.5m	M2	1.5	80
168	Mành che nắng tay quay hai mặt	Mành >= 3m	M2	1.5	175
169	Mành che nắng tay quay hai mặt	2.5m < màn < 3m	M2	1.5	180
170	Mành che nắng tay quay hai mặt	1.8 < màn <= 2.5m	M2	1.5	185
171	Mành che nắng tay quay hai mặt	Mành <= 1.8m	M2	1.5	635
172	Mành che nắng tự động kín		M2		250
173	Mành che nắng tự động hở		M2		270
174	Mái hiên di động (tay đưa 2.8m và 3.3m)	Mái hiên >=3m (veranda >=3m)	M2		200
175	Mái hiên di động (tay đưa 2.8m và 3.3m)	2.5m < Mái hiên < 3m	M2		210
176	Mái hiên di động (tay đưa 2.8m và 3.3m)	Mái hiên <=2.5m	Bộ		1120
177	Mành nhựa		M2		275

GIÀN PHƠI THÔNG MINH

178	Giàn phơi thông minh thanh inox loại 2m		Bộ		600
179	Giàn phơi thông minh thanh inox loại 2.5m		Bộ		640
180	Giàn phơi thông minh thanh inox loại 3.0m		Bộ		690
181	Giàn phơi thông minh thanh nhôm loại 2.4m		Bộ		1500
182	Giàn phơi điều khiển từ xa loại 2.4m		Bộ		3700

